

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 881/TB-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO
ĐIỂM XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
HỆ CHÍNH QUY NĂM 2020 THEO PHƯƠNG THỨC
KẾT QUẢ THI THPT 2020

1. Thông tin chung về trường

- Tên trường: Trường Đại học Đồng Tháp Mã trường: SPD
- Địa chỉ: 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Địa chỉ trang web: www.tuyensinh.dthu.edu.vn
- Điện thoại: 0277 3882258; 0277 3881518
- Vùng tuyển sinh: cả nước

2. Điểm xét tuyển (ĐXT) các ngành Đại học sư phạm, Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

Ghi chú: Môn chính nhân hệ số 2

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn chính	ĐXT
NGÀNH ĐẠI HỌC SƯ PHẠM			574				
1	Giáo dục Mầm non	7140201	196	M00 M05 M07 M11	Văn, Toán, NK GDMN Văn, Sử, NK GDMN Văn, Địa, NK GDMN Văn, Tiếng Anh, NK GDMN	NK GDMN	18,5
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	56	C01 C03 C04 D01	Văn, Toán, Lý Văn, Toán, Sử Văn, Toán, Địa Văn, Toán, Tiếng Anh		18,5
3	Giáo dục Chính trị	7140205	21	C00 C19 D01 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh		18,5
4	Giáo dục Thể chất	7140206	21	T00 T05 T06 T07	Toán, Sinh, NKTDTT Văn, GDCD, NKTDTT Toán, Địa, NKTDTT Văn, Địa, NKTDTT	NK TDTT	17,5
5	Sư phạm Toán học	7140209	28	A00 A01	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh		18,5

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn chính	ĐXT
				A02 A04	Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		
6	Sư phạm Tin học	7140210	28	A00 A01 A02 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		18,5
7	Sư phạm Vật lý	7140211	21	A00 A01 A02 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		18,5
8	Sư phạm Hóa học	7140212	28	A00 B00 D07 A06	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Hóa, Địa		18,5
9	Sư phạm Sinh học	7140213	21	A02 B00 D08 B02	Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Tiếng Anh Toán, Sinh, Địa		18,5
10	Sư phạm Ngữ văn	7140217	21	C00 C19 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GD&CD Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		18,5
11	Sư phạm Lịch sử	7140218	21	C00 C19 D14 D09	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GD&CD Văn, Sử, Tiếng Anh Toán, Sử, Tiếng Anh		18,5
12	Sư phạm Địa lý	7140219	21	C00 C04 D10 A07	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Địa Toán, Địa, Tiếng Anh Toán, Sử, Địa		18,5
13	Sư phạm Âm nhạc	7140221	21	N00 N01	Văn, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu Toán, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu	Hát	17,5
14	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	21	H00 H07	Văn, Trang trí, Hình họa Toán, Trang trí, Hình họa	Hình họa	17,5
15	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	28	D01 D14 D15 D13	Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh Văn, Sinh, Tiếng Anh	Tiếng Anh	18,5
16	Sư phạm Công nghệ	7140246	21	A00 A01 A02 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		18,5



TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn chính	ĐXT
NGÀNH CAO ĐẲNG SƯ PHẠM			84				
1	Giáo dục Mầm non	51140201	84	M00 M05 M07 M11	Văn, Toán, NK GDMN Văn, Sử, NK GDMN Văn, Địa, NK GDMN Văn, Tiếng Anh, NK GDMN	NK GDMN	16,5
TỔNG CỘNG			658				

3. Điểm xét tuyển các ngành Đại học ngoài sư phạm

Ghi chú: Môn chính nhân hệ số 2

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn chính	ĐXT
NGÀNH ĐẠI HỌC NGOÀI SƯ PHẠM			541				
1	Việt Nam học	7310630	55	C00 C19 C20 D01	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh		15
2	Ngôn ngữ Anh - Biên-phiên dịch - Tiếng Anh kinh doanh - Tiếng Anh du lịch	7220201	60	D01 D14 D15 D13	Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh Văn, Sinh, Tiếng Anh	Tiếng Anh	15
3	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	60	C00 D01 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		17
4	Quản lý văn hóa	7229042	20	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh		15
5	Quản trị kinh doanh	7340101	55	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		15
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	30	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		15
7	Kế toán	7340301	65	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		16
8	Khoa học môi trường	7440301	25	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		15



TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn chính	ĐXT
9	Khoa học Máy tính	7480101	40	A00 A01 A02 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		15
10	Nông học	7620109	20	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		15
11	Nuôi trồng thủy sản	7620301	48	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		15
12	Công tác xã hội	7760101	43	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh		15
13	Quản lý đất đai	7850103	20	A00 A01 B00 D07	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh		15

5. Điều kiện đăng ký xét tuyển

- Không có môn nào 1,0 điểm trở xuống;
- Đối với ngành Giáo dục Mầm non (CĐ + ĐH), ngành Giáo dục Thể chất: Tổng điểm hai môn thi (*không tính môn năng khiếu*) + điểm ưu tiên $\times 2/3 \geq$ tối thiểu ngưỡng ba môn theo tổ hợp môn $\times 2/3$;
- Đối với ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật: điểm môn thi (*không tính môn năng khiếu*) + điểm ưu tiên $\times 1/3 \geq$ tối thiểu ngưỡng ba môn theo tổ hợp môn $\times 1/3$;
- Đối với các ngành còn lại: Thí sinh đủ điều kiện xét tuyển khi tổng điểm 3 môn theo tổ hợp môn + điểm ưu tiên $\geq$ ĐXT. *ndlu*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Lương Thanh Tân

PHÓ HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP